

Bản án số: **49/2026/HS-ST**
Ngày 25 tháng 3 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Mai**

Bà Đỗ Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2026/HSST ngày 23/01/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-HS ngày 03/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HS ngày 04/3/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lưu Văn D**, sinh ngày 01/01/1982 tại tỉnh Khánh Hòa.

Hộ khẩu thường trú: **Thôn P, xã T, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở: Tổ dân phố L, phường H, tỉnh Khánh Hòa**; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Cha: **L** (đã chết); Mẹ: **Trần Thị Thu V** (đã chết); Vợ: **Huỳnh Thị Thùy D1**, sinh năm: 1983; Có 01 con, sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không.

- Nhân thân: Bản án hình sự phúc thẩm số 79/HSPT ngày 11/7/2001 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 15 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam **N**. Có mặt.

- Bị hại: Ông **Ngô Lê Hoàng T**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **Thôn P, xã H, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1) Ông **Nguyễn Hữu N**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ B thôn H, xã S, tỉnh Khánh Hòa.

2) Ông Lê Văn Q, sinh năm 1982

Địa chỉ: TDP Q, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

3) Ông Phạm Thúc H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

4) Ông Phạm Bảo Q1, sinh năm 1983

Địa chỉ: TDP T, phường H, tỉnh Khánh Hòa.

5) Bà Trương Thị Bích C, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường H, tỉnh Khánh Hòa.

6) Ông Nguyễn Ngọc Gia H1, sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

7) Ông Trần Quang T1, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa.

8) Bà Hoàng Thị Thùy D2, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, tỉnh Khánh Hòa.

Tất cả đều vắng mặt.

- Người làm chứng:

1) Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2022, Lưu Văn D sử dụng mạng xã hội facebook thấy một đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đăng tin rao bán 02 xe mô tô Honda Arblade (gồm 01 xe mô tô có số khung RLHKF4107M2628541, số máy KF40E0170872, gắn biển số 79H2-045.78; 01 xe mô tô có số khung: RLHUF63231Z030510, số máy: JF63E2036352, gắn biển số 79H1-743.87) với giá 15.000.000 đồng, thấy giá rẻ nên D nhắn tin hỏi thăm thì người bán trả lời 02 xe mô tô này không có giấy chứng nhận đăng ký xe, nếu mua thì họ sẽ làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe theo yêu cầu của D, lúc này D biết rõ đây là tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đang cần tiền tiêu xài cá nhân, D nảy sinh ý định mua 02 xe mô tô trên, đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên của D rồi đem xe đi cầm cố cho người khác để lấy tiền. Thực hiện ý định trên, D trao đổi thỏa thuận giá mua 02 xe mô tô với giá 8.000.000 đồng và trả thêm 1.000.000 đồng để đặt làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng

tên chủ sở hữu **Lưu Văn D** đối với 02 xe mô tô trên và 01 giấy chứng nhận đăng ký đối với xe mô tô loại Yamaha Sirius, biển số 79H1-866.28 mang tên **Trương Thị Bích C**, là chủ sở hữu xe mô tô mà **D** mua trả góp tại **cửa hàng X** do ông **Phạm Thúc H** làm chủ cửa hàng. Khoảng 02 tuần sau, người bán đem 02 xe mô tô và 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô làm giả đến Ngã ba trong **N** giao cho **D** (gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 049786, đứng tên chủ xe **Lưu Văn D**; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 79010559, đứng tên chủ xe **Lưu Văn D**; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 79010259, đứng tên chủ xe **Trương Thị Bích C**), sau khi kiểm tra **D** trả tiền mặt 9.000.000 đồng cho người bán và đem xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả về nhà.

Trong thời gian từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 5 năm 2023, **Lưu Văn D** lần lượt mang xe mô tô cùng các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đã đặt làm giả trước đó đến gặp và nói với ông **Ngô Lê Hoàng T** đây là tài sản thuộc sở hữu của **D**, do tin tưởng nên ông **T** đã nhận cầm cố cho **D**, cụ thể:

+ Ngày 13/3/2023, **D** đem xe mô tô loại Honda AirBlade gắn biển số 79H1-743.87, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên **Lưu Văn D** đến cầm cố cho ông **Ngô Lê Hoàng T** lấy số tiền 20.000.000 đồng.

+ Ngày 19/4/2023, **D** đem xe mô tô loại Honda AirBlade gắn biển số 79H2-045.78, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên **Lưu Văn D** đến cầm cố cho ông **Ngô Lê Hoàng T** lấy số tiền 32.000.000 đồng.

+ Ngày 03/5/2023, **D** đem xe mô tô loại Yamaha Sirius, biển số 79H1-866.28, cùng giấy chứng nhận đăng ký xe giả mang tên **Trương Thị Bích C** đến cầm cố cho ông **Ngô Lê Hoàng T** lấy số tiền 7.000.000 đồng.

Sau khi cầm cố 03 xe mô tô trên, **Lưu Văn D** trả tiền lãi cho ông **Ngô Lê Hoàng T** được 02 tháng thì dừng trả. Khoảng tháng 7/2023, ông **Phạm Thúc H** đến nhà ông **T** chơi thì phát hiện xe mô tô do **Lưu Văn D** mua trả góp tại cửa hàng của mình đang được cầm cố cho ông **T** và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô **H** vẫn chưa đưa cho **D** vì chưa trả góp xong. Ông **Ngô Lê Hoàng T** nghi ngờ cả 03 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mà **D** mang đến cầm cố cho mình đều là giả nên trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận giám định số 245/2024/KL-KTHS ngày 04/5/2024 của **Phòng K Công an tỉnh K** kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe số seri 79010259, biển số đăng ký 79H1-866.28, ngày cấp 23/02/2022, ký hiệu A1 là giả; Giấy chứng nhận đăng ký xe số seri 790100559, biển số đăng ký 79H2-045.78, ngày cấp 25/02/2022, ký hiệu A2 là giả; Giấy chứng nhận đăng ký xe số seri 7049786, biển số đăng ký 79H1-743.87, ngày cấp 14/11/2018, ký hiệu A3 là giả.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3798/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Khánh Hòa kết luận: Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu đen đỏ, biển kiểm soát 79D1-540.47,

số khung: RLHJF6323HZ30510, số máy: JF63E2036352 tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 21.650.000 đồng. Giá trị của xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 79C1-647.13, số khung: RLHKF4107MZ628541, số máy: KF41E0170872 tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 39.690.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 03/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa truy tố bị cáo **Lưu Văn D** về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174, điểm d khoản 2 Điều 341 và điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa thực hành quyền công tố, giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, bổ sung áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D** từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D** từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D** từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc **Lưu Văn D** phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là từ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 12/5/2025. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo, án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo **Lưu Văn D** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[1.2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên cũng như của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên và của các cơ quan tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo **Lưu Văn D** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng cuối năm 2022 đầu năm 2023, **Lưu Văn D** thông qua mạng xã hội facebook liên hệ mua 02 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade của đối tượng không rõ lai lịch, **D** biết rõ đây là tài sản do người khác phạm tội, nhưng vẫn mua và đặt làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên **Lưu Văn D** đối với 02 mô tô trên và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đứng tên **Trương Thị Bích C** đối với 01 xe mô tô mà **D** đang mua trả góp tại cửa hàng xe máy Huy Dung do ông **Phạm Thúc H** làm chủ. Do cần tiền sử dụng nhu cầu bản thân, bằng thủ đoạn sử dụng giấy tờ xe giả đã đặt mua trước đó, trong khoảng thời gian từ tháng 03/2023 đến tháng 5/2023, **Lưu Văn D** lần lượt đem 02 xe mô tô cùng 02 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả đứng tên **Lưu Văn D** đến cầm cố cho ông **Ngô Lê Hoàng T** lấy số tiền 52.000.000 đồng, sau đó tiếp tục đem xe mô tô trả góp cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả đứng tên **Trương Thị Bích C** đến cầm cố cho ông **Ngô Lê Hoàng T** lấy số tiền 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản **Lưu Văn D** chiếm đoạt của ông **Ngô Lê Hoàng T** là 59.000.000 đồng. Do đó, hành vi của **Lưu Văn D** đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[2.2] **Lưu Văn D** sử dụng 03 giấy chứng nhận đăng ký xe là giả, trong đó 02 giấy chứng nhận mang tên **Lưu Văn D** và 01 giấy chứng nhận mang tên **Trương Thị Bích C** để đem các xe mô tô đi cầm cố cho **Ngô Lê Hoàng T** 03 lần vào các ngày 13/3/2023, 19/4/2023 và 03/5/2023 để chiếm đoạt tổng số tiền 59.000.000 đồng. Do đó hành vi của **Lưu Văn D** đã cấu thành tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[2.3] Đối với hành vi **Lưu Văn D** mua 02 xe mô tô Honda AirBlade biển số 79H1-743.87 và xe Honda AirBlade biển số 79H2-045.78. Tại phiên tòa, **D** khai nhận, khi trao đổi thỏa thuận mua 02 mô tô trên, bên bán đã nói rõ cho **D** biết là xe không có giấy tờ, nguồn gốc là xe “nhảy” nên ý thức chủ quan của **D** biết 02 xe mô tô là tài sản do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có. Do đó, khi bên bán đưa giá bán 02 xe là 15.000.000 đồng nên **D** mặc cả và trả giá là 8.000.000 đồng. Sau khi mua được 02 xe mô tô, **D** đưa về nhà cất giấu sau đó lần lượt đem đi cầm thế cho **Ngô Lê Hoàng T** được 52.000.000 đồng, thu lợi bất chính 44.000.000 đồng. Mặc dù, chưa xác định được đối tượng bán 02 xe mô tô cho **D** là ai, không biết rõ ai là người đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội để có được 02 xe mô tô và họ đã bị xử lý hình sự hay chưa. Tuy nhiên, qua xác minh thông tin chủ sở hữu 02 xe mô tô đã xác định được 02 xe mô tô bị mất trộm trước đó. Khi trao đổi mua bán xe, **D** được bên bán cho biết là 02 xe đều không có giấy tờ, xe “nhảy” nên đã mua với giá trị thấp hơn giá thực tế trên thị trường. **D** nhận thức rõ 02 xe mô tô là do người khác phạm tội mà có. Do vậy, hành vi của **Lưu Văn D** đã cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “*Thu lợi bất chính từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định Cáo trạng số 18/CT-VKS-HS ngày 03/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa truy tố bị cáo **Lưu Văn D** về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, d khoản 2 Điều 341 và điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trong một thời gian ngắn bị cáo đã phạm nhiều tội, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan tổ chức trong trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại **Ngô Lê Hoàng T** vào các ngày 13/3/2023, 19/4/2023 và 03/5/2023 để chiếm đoạt tổng số tiền 59.000.000 đồng. Các lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên hành vi của bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân. Hội đồng xét xử xét thấy cần

có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, cũng như phòng ngừa trong xã hội.

[3.4] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa được bị hại **Ngô Lê Hoàng T** xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về phần đấu làm lại cuộc đời. Ngoài ra, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Tại phiên tòa, bị hại **Ngô Lê Hoàng T** đề nghị bị cáo **Lưu Văn D** bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 59.000.000 đồng. Bị cáo **Lưu Văn D** đồng ý bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo **Lưu Văn D** phải bồi thường cho ông **Ngô Lê Hoàng T** số tiền 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*).

Bị cáo bị xác định thu lợi bất chính số tiền 44.000.000 đồng đối với hành vi phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Tuy nhiên, nguồn gốc số tiền thu lợi bất chính này có được từ hành vi 02 lần đưa hai xe mô tô mà bị cáo đã tiêu thụ đem đi cầm thế để chiếm đoạt số tiền 52.000.000 đồng của bị hại **Ngô Lê Hoàng T**. Tại phiên tòa, bị cáo **Lưu Văn D** đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Do đó, nếu tiếp tục áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung ngân sách nhà nước đối với số tiền 44.000.000 đồng thì sẽ dẫn đến việc xử lý trùng lặp đối với cùng một khoản tiền, không phù hợp với bản chất của hành vi phạm tội và để bị cáo **Lưu Văn D** có đủ điều kiện sớm thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại, Hội đồng xét xử không áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tiền thu lợi bất chính.

[5] Xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra xác định được cho ông **Lê Văn Q** là chủ sở hữu của xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu xanh xám đen, số khung: RLHKF4107MZ628541, số máy: KF41R170872. Đây là xe ông **Q** bị mất trộm và có trình báo đến Cơ quan Công an. Do đó, trả lại cho ông **Q** xe mô tô trên.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 79H1-866.28, đây là xe do bị cáo **Lưu Văn D** mua trả góp của ông **Phạm Thúc H**, xe chưa được đăng ký tên chủ sở hữu cho **Lưu Văn D**. Ông **Phạm Thúc H** vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên quá trình điều tra thể hiện ông **H** có nguyện vọng được nhận lại tài sản, tại phiên tòa bị cáo **Lưu Văn D** đồng ý trả lại xe cho ông **H**. Vì vậy, trả lại cho ông **Phạm Thúc H** 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 79H1-866.28.

Đối với 01 biển số xe 79H1-743.87 và 01 biển số xe 79H2-045.78, đây là các biển số xe gắn trên 02 xe mô tô do **Lưu Văn D** mua và sử dụng giấy tờ giả để đi cầm

thể cho **Ngô Lê Hoàng T**. Qua xác minh, 02 biển số xe này đã được đăng ký cho các xe mô tô khác. Do đó, tịch thu tiêu hủy đối với 02 biển số xe trên.

[6] Một số vấn đề khác: Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** tiếp tục điều tra xác minh làm rõ đối tượng đã bán 02 xe máy cho **Lưu Văn D** để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D 02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D 02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

3. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51. Xử phạt bị cáo **Lưu Văn D 03** (ba) năm **06** (sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo **Lưu Văn D** phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là **8 (tám) năm 03 (ba) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 12/5/2025.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Lưu Văn D** phải bồi thường cho ông **Ngô Lê Hoàng T** số tiền 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*).

5. Về xử lý vật chứng:

5.1. Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho ông **Lê Văn Q 01** (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Airblade, màu xanh xám đen, số khung: RLHKF4107MZ628541, số máy: KF41E0170872; Trả lại cho ông **Phạm Thúc H 01** (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 79H1-866.28.

5.2. Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) biển số xe 79H1-743.87, 01 (một) biển số xe 79H2-045.78

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/3/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Khánh Hòa)

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Lưu Văn D** phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng THAHS và HTTP - CA tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; Bị hại; Đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 4 – Khánh Hòa;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuấn